

TẬP QUÁN DÂN SINH CỦA CÁC TỘC NGƯỜI Ở VIỆT NAM VÀ MỐI QUAN HỆ GIỮA CON NGƯỜI VỚI MÔI TRƯỜNG

Vũ Trường Giang*

Trong giai đoạn hiện nay, những thách thức về môi trường đã trở thành vấn đề lớn của thời đại, có tầm quan trọng sống còn đối với tương lai của hành tinh, của loài người và các nền văn hoá trên thế giới. Mong muốn đạt được sự phát triển bền vững, tức là sự tăng trưởng mạnh mẽ về kinh tế gắn với việc bảo vệ môi trường và giải quyết thoả đáng các nhu cầu xã hội, đòi hỏi phải có một sự quản lý sáng suốt và khôn ngoan đối với môi trường và các tài nguyên thiên nhiên. Đây là một vấn đề lớn, có tính tổng hợp và liên ngành cao, chứa đựng những nội dung sâu sắc về chính trị, xã hội, văn hoá, ngoại giao và an ninh của mỗi quốc gia.

Xung đột môi trường và phát triển bền vững

Luật Bảo vệ môi trường của nước ta (ban hành ngày 10-1-1994) đã quy định: "Môi trường gồm các yếu tố tự nhiên, yếu tố vật chất nhân tạo quan hệ mật thiết với nhau, bao quanh con người, có ảnh hưởng tới đời sống, sản xuất, sự tồn tại, phát triển của con người và thiên nhiên" (Điều 1).

"Thành phần của môi trường bao gồm: Không khí, nước, đất, âm thanh, ánh sáng, lòng đất, núi, rừng, sông, hồ, biển, sinh vật, các hệ sinh thái, các khu dân cư, khu sản xuất, khu bảo tồn thiên nhiên, cảnh quan thiên nhiên, danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử và các hình thái vật chất hoá" (Điều 2).

Bản chất xã hội của việc bảo vệ môi trường chính là sự điều hoà các quyền lợi giữa các nhóm xã hội. Nguyên nhân sâu xa về sự phá hoại môi trường bắt nguồn từ việc tranh giành lợi thế trong khai thác và sử dụng các nguồn lực tự nhiên. Xung đột môi trường có thể xuất hiện do nhiều nguyên nhân về sự khác nhau trong quan niệm và nhận thức cách xử sự với môi trường, cũng có thể do bất

ình đẳng xã hội trong sử dụng tài nguyên và hưởng thụ các lợi thế môi trường. Có thể phân biệt những dạng xung đột như sau¹.

Xung đột nhận thức là dạng xung đột có căn nguyên từ sự khác nhau về hiểu biết trong hành động của các nhóm, dẫn tới phá hoại môi trường.

Xung đột mục tiêu trong hoạt động của các nhóm: Người trồng rau phun thuốc sâu nhằm mục tiêu lợi nhuận dẫn đến xung đột mục tiêu bảo vệ sức khỏe của người tiêu dùng.

Xung đột lợi ích xuất hiện khi các nhóm tranh giành lợi thế sử dụng tài nguyên: Xí nghiệp xả chất thải vào ruộng của nông dân, xâm phạm lợi ích của nông dân.

Xung đột quyền lực: Nhóm có quyền lực mạnh hơn lấn át nhóm khác, chiếm dụng lợi thế của nhóm khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

Trên thực tế, mỗi sự kiện xung đột môi trường có thể bắt nguồn từ một hoặc một vài loại xung đột, song cuối cùng cái đọng lại lớn nhất là xung đột lợi ích: Vì lợi ích vị kỷ của một nhóm, môi trường bị huỷ hoại.

Ngoài những hình thức và mức độ xung đột trên đây, còn một loại xung đột khác: xung đột giữa cơ quan quản lý khi vận dụng các công cụ chính sách pháp luật để điều chỉnh các hành vi lệch chuẩn môi trường và xử lý các xung đột môi trường.

Về phát triển bền vững, theo định nghĩa của Tổ chức lương thực thế giới (FAO), "*Phát triển bền vững là sự phát triển đảm bảo lợi ích lâu dài cho người dân. Tài nguyên và môi*

* ThS., Phân viện Hà Nội – Học viện CTQG Hồ Chí Minh.

¹ Vũ Cao Đàm. *Tiếp cận xã hội học trong quản lý môi trường*. Tuần báo Khoa học & Phát triển, số 30, ngày 1/8/2001.

trường cần được bảo vệ, giữ gìn cho các thế hệ mai sau³.

Ngày nay, phát triển bền vững được hiểu rộng hơn, cả trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội, môi trường. Phát triển bền vững là sự phát triển trong đó đảm bảo sự kết hợp tối ưu và hài hoà giữa các mục tiêu kinh tế, xã hội và môi trường.

Những yếu tố tác động đến môi trường

Những cư dân có truyền thống trồng lúa nước ở vùng đồng bằng là người Kinh, Khơ me, Chăm ... Do diện tích đất canh tác bình quân thấp (đặc biệt là ở vùng đồng bằng Bắc Bộ) nên để tăng sản lượng thì người ta phải "quay vòng", tăng vụ, gối vụ và "bổ sung" vào đất một lượng phân bón hoá học đáng kể để tăng năng suất cây trồng. Phân bón hoá học là "con dao hai lưỡi" đối với đồng ruộng, một mặt nó góp phần tăng năng suất cây trồng; mặt khác, nếu quá lạm dụng sẽ làm cho đất bị thoái hoá.

Con người đã khai thác triệt để những động vật thuỷ cư như cá, ếch, nhái ... để phục vụ cho cuộc sống của mình. Chính điều này là một trong những nguyên nhân để sâu bệnh hại lúa phát triển và tàn phá mùa màng. Để bảo vệ mùa màng, người ta lại "lạm dụng" các chất hoá học để tiêu diệt sâu bọ và đồng thời làm ô nhiễm nặng nề chính đồng ruộng của mình.

Phần lớn các tộc người thiểu số ở nước ta có truyền thống canh tác nương rẫy và trồng trọt trên đất khô. Để có đất canh tác, lẽ tất nhiên người ta phải phá rừng. Hơn nữa, do năng suất lúa nương rất thấp và rẫy có độ dốc lớn nên bị xâm thực, xói mòn nhanh, chỉ sau từ 2 đến 3 vụ là đất sẽ bạc màu, không thể canh tác được nữa. Do vậy, con người lại phải "tìm kiếm vùng đất mới" và tiếp tục phá rừng để có đất canh tác. Tình trạng "du canh du cư" hoặc "định canh du cư" này của nhiều tộc

người ở miền núi là một trong những nguyên nhân chủ yếu của nạn phá rừng. Ở vùng Tây Nguyên còn có nguyên nhân thứ hai, đó là phá rừng để trồng các loại cây công nghiệp như cà phê, cao su..., ở đồng bằng sông Cửu Long, người ta lại phá rừng ngập mặn để nuôi tôm... Mặt khác, cũng cần nhìn nhận một nguyên nhân quan trọng làm suy giảm vốn rừng là trong một thời gian dài các lâm trường đã khai thác rừng vượt quá việc trồng mới, bảo vệ rừng.

Chăn nuôi gia súc, gia cầm của các tộc người ở Việt Nam khá phát triển, tuy nhiên, phong tục tập quán trong chăn nuôi của mỗi dân tộc có những điểm khác nhau. Nếu như người Kinh và một vài dân tộc thiểu số ở đồng bằng, trung du thường làm chuồng trại nhốt gia súc, gia cầm xa nhà để đảm bảo vệ sinh, thì nhiều tộc người thiểu số ở miền núi lại có tập quán thả rông gia súc, gia cầm. Chính điều này đã ảnh hưởng không nhỏ tới môi trường sinh thái, nguồn nước... của làng bản và cộng đồng, dễ làm bùng phát các loại dịch bệnh nguy hiểm tới tính mạng con người.

Với người Kinh và một vài dân tộc thiểu số ở vùng đồng bằng, thủ công nghiệp và nghề phụ đã phát triển lâu đời, đạt tới một trình độ cao và đã phát triển thành sản xuất hàng hoá. Tuy nhiên ở những làng nghề này vấn đề ô nhiễm môi trường đang trở nên rất cấp bách. Ví dụ: Làng Vân (Bắc Ninh) với nghề nấu rượu, làng Nhôi (Thanh Hoá) với nghề nung vôi ... Mặt khác, ở nhiều làng làm nghề mộc, mây tre đan ... thì nguyên liệu chính là khai thác từ rừng, đặc biệt là các làng làm nghề mộc cao cấp. Nguyên liệu để sản xuất những mặt hàng này là các loại gỗ quý hiếm, nếu quản lý không chặt chẽ thì vô hình chung chúng ta đã huỷ hoại một nguồn tài nguyên này (rừng) để đổi lấy một hiệu quả khác (việc làm, thu nhập của người lao động và nhu cầu tiêu dùng của xã hội).

Nhiều tộc người thiểu số ở nước ta còn giữ tục lệ làm ma cho người chết kéo dài từ 3 đến 4 ngày, thậm chí 1 tuần, trong quá trình làm ma thường tổ chức ăn uống linh đình nên rất

³ FAO. *Phát triển hệ thống canh tác*. Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội, 1995, tr.15. Lê Trọng Cúc và Trần Đức Viên dịch.

tổn về vật chất, công sức, thời gian. Mặt khác, đa số các tộc người đều có tục chôn người chết (địa táng), nhưng cũng có tộc người hoả thiêu bằng củi (người Chăm) hoặc sau khi chết vùi nằm lại cải táng (người Việt). Dù phong tục là lưu người chết lâu ngày trong nhà, hoả thiêu thủ công hay cải táng thì đều ảnh hưởng nghiêm trọng tới sức khoẻ của mọi người, vệ sinh môi trường của những cư dân sinh sống trong vùng, càng nghiêm trọng hơn nếu người chết mắc các bệnh truyền nhiễm.

Nguồn lương thực, thực phẩm ở các tộc người thiểu số chủ yếu là tự cung tự cấp nên ít bị ảnh hưởng hoá chất, thuốc trừ sâu. Tuy nhiên vấn đề vệ sinh và an toàn thực phẩm trong ăn uống hầu như ít được chú ý, ở nhiều nơi đồng bào đã ăn chín nhưng chưa uống sôi; nguồn nước sạch dùng cho sinh hoạt hằng ngày rất thiếu trong mùa khô (vùng núi cao Hà Giang, Cao Bằng) và ngược lại, rất thiếu trong mùa lũ (đồng bằng sông Cửu Long). Trong trường hợp này khái niệm rau sạch, thịt sạch chỉ tồn tại ở thành phố, thị xã và trên các phương tiện thông tin đại chúng!

Diện tích không thay đổi, số dân tăng lên tất yếu dẫn đến mật độ dân số tăng hay diện tích đất bình quân đầu người giảm xuống. Do sức ép về lương thực tăng nên người dân phải tìm cách tăng diện tích canh tác (phá rừng), tăng năng suất cây trồng (sử dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật và các loại phân bón hoá học). Dân số tăng, nhu cầu về hàng công nghiệp cũng tỷ lệ thuận với dân số, đã thúc đẩy sản xuất công nghiệp tăng và chất thải độc hại công nghiệp cũng tăng lên. Mặt khác, trong quá trình tiêu dùng, bình quân mỗi ngày mỗi người thải 2 kg rác. Dân số càng đông lượng rác thải càng nhiều. Hệ quả tất yếu là đất, nước, không khí ... bị nhiễm bẩn đã tác động trực tiếp tới cuộc sống của người dân và cả cộng đồng.

Các tộc người thiểu số ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa thường mắc các bệnh như sốt rét, bướu cổ, sốt xuất huyết, dịch tả, kiết lỵ, suy dinh dưỡng, ỉa chảy ở trẻ em và những bệnh liên quan đến sức khoẻ sinh sản của

phụ nữ. Một trong những nguyên nhân dẫn đến bệnh sốt rét gia tăng là do hạn chế hiểu biết về bệnh cũng như cách phòng bệnh. Nhiều nhóm dân cư miền núi cho rằng sốt rét là do con ma làm, thậm chí họ quan niệm con ma đó chính là những người thân trong gia đình chết đi biến thành ma hiện đang rất đói ăn và đòi ăn. Những người bị bệnh bướu cổ giải thích rằng mắc bệnh là do dùng nguồn nước ăn từ núi đá vôi. Tỷ lệ bệnh sốt xuất huyết và dịch tả cũng có chiều hướng gia tăng. Điều kiện vệ sinh kém, tập quán ngủ không mắc màn chống muỗi, ngủ lại trong chòi nươg ở rừng, chăn nuôi thả rông, nhốt vật nuôi dưới gầm sàn nhà ở một số dân tộc... cũng là những nguyên nhân góp phần cho sự gia tăng bệnh sốt xuất huyết. Bệnh ỉa chảy, suy dinh dưỡng, giun, sán ... tuy có giảm, nhưng vẫn ở mức cao, đặc biệt là vùng miền núi và vùng dân tộc. Ngoài những nguyên nhân do bệnh tật, còn có nguyên nhân thiếu kiến thức nuôi con của các bà mẹ hoặc quan niệm "trời sinh voi trời sinh cỏ"!

Những cuộc chuyển cư của người Việt theo chính sách kinh tế mới đến các tỉnh miền núi phía Bắc vào những năm 60-70 và đến Tây Nguyên vào những năm 80-90 của thế kỷ XX đã góp phần đáng kể vào sự phân bố dân, thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Tuy nhiên sức ép về dân số và lương thực đã buộc người dân phải phá rừng làm rẫy.

Một hiện tượng đáng chú ý là từ đầu những năm 90 đến nay, một bộ phận các dân tộc thiểu số ở miền núi phía Bắc di dân tự do vào Tây Nguyên. Di cư đến đâu đồng bào chặt phá rừng đến đó. Do không hiểu luật tục và tri thức địa phương của người dân tại chỗ, các tộc người di dân tự phát đã phá hết cánh rừng này đến cánh rừng khác, đặc biệt là những khu rừng già, rừng đầu nguồn, rừng thiêng... Hậu quả tất yếu là đất bị xói mòn, rửa trôi, các nguồn gien động, thực vật ở rừng bị mất, nạn hạn hán, lũ lụt ... Mặt khác, di dân tự do cũng tác động lớn đến kế hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội, gây khó khăn cho việc quản lý dân cư và địa giới hành chính...

Đồng bào các dân tộc thiểu số ít chú ý tới nhà vệ sinh vì họ thường đại tiểu tiện ngay trong rừng, trên đồi núi. Mỗi khi đi chợ để mua bán, giao lưu ... đồng bào vẫn giữ thói quen phóng uế tùy ý "khi có nhu cầu". Ngoài ra, nước ta vẫn còn có một bộ phận đáng kể cư dân sống trên sông nước hoặc sống chung với lũ (vùng đồng bằng sông Cửu Long), hàng ngày họ thải vào sông nước một lượng phân, rác đáng kể. Do vậy, môi trường sống ở những khu vực này bị ô nhiễm, ảnh hưởng trực tiếp tới cuộc sống của người dân.

Một số tập quán và luật tục bảo vệ môi trường

Mặc dù một số tập quán của các tộc người ở Việt Nam đã có những tác động xấu tới môi trường, nhưng trong lịch sử hình thành và phát triển của mình, các tộc người cũng đã tạo nên những cách ứng xử phù hợp với môi trường, đặc biệt là trong việc sử dụng và quản lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên của cộng đồng. Những quy định đó được thể hiện dưới dạng truyền miệng, thành văn, để cập tới việc bảo vệ rừng, sử dụng đất, bảo vệ nguồn nước..., các hình thức xử phạt đối với những trường hợp vi phạm...

Người Hmông có tục ăn ước gọi là lễ "nào sông" thường được tổ chức theo từng bản hoặc dòng họ vào dịp năm mới (theo tết Hmông). Trong lễ này, người ta xây dựng thêm hay nhắc lại các quy ước về bảo vệ rừng, bảo vệ đất, cây trồng, muông thú, đồng thời quy định lại các hình thức xử phạt nếu có người vi phạm. Chẳng hạn, xưa kia những ai tự tiện vào rừng cấm chặt cây thì bị phạt một con lợn, thời gian gần đây họ phải trồng lại hoặc bị phạt từ 50.000đ đến 100.000đ. Mỗi gia đình có một khoảnh rừng riêng, mọi người phải tôn trọng quyền sử dụng của người đó. Những ai vi phạm hoặc để gia súc phá hoại mùa màng đều bị xử phạt. Vào thời vụ gieo trồng mọi nhà phải chăn thả trâu bò cẩn thận, không thả rông, nghiêm cấm các gia đình đốt, phát rừng làm nương.

Người Dao có tục lệ khi xây dựng gia đình thì cặp vợ chồng trẻ phải trồng tre, chàm hoặc

quế. Khi trong gia đình có một đứa trẻ ra đời, bà con thôn bản, họ hàng đến thăm và mỗi người đem một cây quế con trồng để sau này làm tài sản hoặc của hồi môn cho đứa trẻ.

Luật tục của người Thái quy định ai muốn phát rừng làm rẫy, rừng thuộc địa phận bản nào phải được Tào bản dó cho phép. Nếu tự ý ra làm thì bị phạt từ 1 đến 3 nén bạc kèm rượu thịt. Hàng năm cứ đến cuối tháng 5 (tính theo âm lịch) mới được vào rừng lấy măng, nhưng chỉ được hái lứa đầu và lứa thứ tư, không được hái lứa thứ hai và thứ ba. Cấm không được hái măng luồng, tre. Ai làm sai sẽ bị phạt 1 nén bạc kèm theo rượu thịt. Cây gỗ, cây quế trong rừng dù lớn hay nhỏ, nhưng trên thân cây có dấu chữ thập (+) hoặc dấu nhân (x) là cây gỗ đã có chủ, không ai được chặt cây gỗ đó nữa. Tất cả mọi người, từ Tào mừng đến dân thường đều không được làm thịt gà, lợn, trâu, bò... hoặc phóng uế ở đầu nguồn nước. Nếu ai vi phạm sẽ bị phạt từ 5 quan tiền đến 3 nén bạc kèm theo rượu thịt. Dòng suối là của chung, nhưng những người trong mừng đều có quyền chọn cho mình một đoạn suối để nuôi cá. Phải làm dấu hiệu bằng cách chặt cây che lên đoạn suối và treo lên ngọn cây ở bờ suối một Ta leo (tám phen nửa đan hình mắt cáo). Như vậy là đoạn suối đã có chủ, mọi người không ai được chiếm đoạt, không được đánh bắt cá. Ai làm sai thì tùy lỗi nặng nhẹ mà phạt vạ từ 1 quan tiền đến 1 nén bạc kèm theo rượu thịt.

Quy ước bảo vệ rừng và tài nguyên thiên nhiên của người Tày quy định: Cấm không để cháy rừng. Ai làm cháy rừng sẽ phải nộp toàn bộ số tiền phạt. Chỗ nào cấm *neu* (một đoạn cây dài, trên đầu có cài cành lá), tức chỗ đó đã có chủ, không ai được tự ý xâm phạm. Ai lấy trộm hồi thì bị phạt gấp 3 lần số thiệt hại. Với khu rừng thờ thổ thần, ai chặt cây hoặc để trâu bò phá hoại cây cối mà làng bị dịch bệnh nhiều, nhiều người ốm đau phải đi mời thầy cúng thì người ấy chịu toàn bộ phí tổn trong lễ cúng.

Người Nùng ở một số vùng có tục lệ tổ chức lễ cúng tại rừng cấm vào ngày 30 tháng 1 hàng năm (theo âm lịch). Tại khu rừng này, người ta cấm không được chăn thả gia súc và

cắm chặt cây, hái củi. Theo qui định của luật tục, các gia đình chặt phá rừng và đốt rẫy làm nương ở những nơi đầu nguồn nước; không được thả trâu, ngựa, dê ở khu vực đầu nguồn hoặc cạnh giếng nước; không được để gia súc phá hoại hoa màu của người khác; không được tự tiện chặt cây trong rừng của người khác, không được bẻ măng hoặc cho trâu ăn măng rừng của người khác. Ai vi phạm sẽ bị phạt 5 kg thóc cho một cây măng. Những qui định trên được nhắc đi nhắc lại vào dịp 30 tháng 1 hàng năm và được mọi người trong cộng đồng thừa nhận.

Người La Hủ có qui định trong việc thu hái cây rừng về làm thuốc: Nếu lấy cả cây, phải trồng lại cây khác; nếu lấy rễ, chỉ được tỉa, không được đào hết để cây còn có điều kiện phục hồi và phát triển.

Người Khơ Mú qui định ai lấy cây ở các khu "rừng cấm" sẽ bị phạt tiền hoặc tịch thu sung công, nếu vi phạm "rừng ma" (nơi chôn cất người chết) sẽ bị phạt gà, rượu, gạo, trước là cúng ma sau là để dân bản đến ăn uống nhắc nhở lần sau không được vi phạm.

Luật tục của người Ê Đê lên án gắt gao và xử phạt nặng nề đối với những người làm cháy rừng, chặt cây non... Luật tục qui định: "Đàn ông thường đốt cây bừa bãi, đàn bà thường đốt lửa bậy bạ, có những người đốt lửa mà làm như kẻ điếc, người dui..., có những người đốt lửa mà làm như kẻ điên người dại.

Cây le đang đâm chồi thế mà họ chặt mất ngọn, cây lồ ô đang đâm chồi thế mà họ chặt mất đọt. Nếu người ta bắt được họ, đem cho tù trưởng nhà giàu, thì chân họ tất phải trôi lại ngay, tay của họ người ta tất phải xiềng lại ngay".

Hoặc đối với những kẻ bỏ thuốc độc, làm bẩn hoặc phá hoại nguồn nước, luật tục đã qui định: "Kẻ bỏ thuốc độc, trồng ngải, rắc tâm làm sập các máng nước ở giếng làng, gây tai họa như quỷ dữ thần ác. Kẻ vô cớ đem thuốc độc bỏ xuống thác nước, hoà thuốc độc vào nước suối, nước sông, bỏ thuốc độc khắp nơi quanh làng... Vì vậy hấn là kẻ có tội, có việc nghiêm trọng phải đem ra xét xử giữa người ta với hấn".

Luật tục của người Mnông qui định ai làm bẩn nguồn nước phải giết lợn và nộp một ché rượu cần để cúng thần bến nước, có sự chứng kiến của làng. Rừng là của chung, đất là của chung, suối nuôi cá là của chung nhưng bắt con cá phải chừa con cá mẹ, chặt cây tre phải chừa cây con, đốt tổ ong phải chừa ong chúa...
Những quan điểm chỉ đạo bảo vệ môi trường:

Một là, quán triệt quan điểm bảo vệ môi trường và phát triển bền vững trong mọi đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, xây dựng "đạo đức môi trường" thành một trong những chuẩn mực của con người trong thời đại mới.

Hai là, có các biện pháp nhanh chóng nâng cao nhận thức của các cấp uỷ, đảng viên và quần chúng nhân dân, làm cho việc bảo vệ môi trường trở thành mối quan tâm và trách nhiệm của mỗi người dân và toàn xã hội.

Ba là, chỉ đạo sát sao và có hiệu quả việc khẩn trương kiện toàn hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường từ trung ương đến cơ sở, tăng cường và đa dạng hóa đầu tư bảo vệ môi trường, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, đẩy mạnh hợp tác quốc tế và thực hiện đầy đủ các công ước quốc tế trong lĩnh vực môi trường mà nhà nước tham gia.

Bốn là, để vấn đề bảo vệ môi trường và phát triển bền vững trở thành một trong những tư tưởng chỉ đạo của Đảng, đề nghị Ban Chấp hành Trung ương sớm nghiên cứu và ban hành một nghị quyết trung ương về môi trường và phát triển bền vững trong sự nghiệp CNH-HDH đất nước⁴.

Một số đề xuất bảo vệ môi trường

- Tiếp tục vận động xây dựng đời sống văn hoá mới ở các vùng núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào các tộc người thiểu số... Phong tục tập quán nào tốt, phù hợp với cuộc sống hiện tại thì giữ gìn và phát huy; phong tục

⁴ Chu Tuấn Nhạ. *Bảo vệ môi trường trong sự nghiệp CNH-HDH đất nước: Thời cơ và thách thức*. Báo Khoa học & Phát triển, số 19, ngày 6/5/2001.

tập quán nào lạc hậu thì kiên quyết loại bỏ.

- Kết hợp hài hoà giữa luật pháp của Nhà nước và luật tục của tộc người, giữa tri thức khoa học và tri thức dân gian trong việc bảo vệ môi trường, khai thác các nguồn tài nguyên thiên nhiên.

- Giáo dục người dân có ý thức phòng tránh bệnh như giữ gìn vệ sinh thôn bản, vệ sinh môi trường sạch sẽ, ăn chín, uống sôi, nằm màn, ăn muối i-ốt... Sử dụng nguồn nước sạch và làm nhà vệ sinh, không thả rông gia súc, gia cầm, chuồng trại phải xa nhà ở.

- Điều chỉnh dân cư có kết quả, bằng mọi biện pháp tiến tới triệt để định canh định cư. Thu hút đồng bào các dân tộc tham gia vào công tác quản lý, trồng rừng, chăm sóc và bảo vệ rừng với mục tiêu đến năm 2010 trồng 5 triệu ha rừng.

Cần giữ tỷ lệ tăng dân số một cách hợp lý, nghĩa là phấn đấu đạt tỷ lệ sinh ở “mức thay thế” – mỗi cặp vợ chồng chỉ có khoảng 2 con vào năm 2010 - để dân số Việt Nam ổn định ở mức 120 triệu người vào năm 2050.

Cần tìm ra các hình thức canh tác phù hợp với phong tục tập quán và điều kiện cư trú của mỗi tộc người, mỗi vùng để đảm bảo an toàn nguồn lương thực. Ví dụ, những triền ruộng bậc thang của người Hmông, Hà Nhì ở Lai Châu, Hà Giang... là những gợi ý về cách thức đưa nước lên đồi gắn liền với định canh định cư. Đây là một hành động biến đổi cách mạng trong canh tác, mà những chỉ dẫn bước đầu của nó là rất đúng hướng, cần được khích lệ.

Tăng cường công tác giáo dục môi trường cho mọi người, huy động toàn cộng đồng tham gia bảo vệ môi trường, coi đó như một đòi hỏi không thể thiếu được của ý thức công dân, ý thức trách nhiệm và quyền lợi của con người sống trong môi trường trong lành và phát triển bền vững. Mỗi người dân phải có sự cân nhắc giữa chi phí và lợi ích, giữa lợi ích trước mắt và lâu dài, lợi ích cá nhân và lợi ích tập thể, lợi ích cộng đồng và lợi ích dân tộc ... nhằm đảm bảo cho toàn bộ sự phát triển không dẫn đến suy thoái môi trường. Quan hệ giữa con người với tự nhiên trước đây là quan hệ “xin – cho” và “tước đoạt” thì giờ đây là quan hệ “vay – trả”. Do vậy,

chúng ta chỉ được vay những gì có khả năng hoàn trả, vay những gì có hiệu quả, vay những gì chúng ta không có và vay những gì thực sự cần thiết; phải nhìn thẳng vào khả năng “trả nợ” để học cách tính toán chính xác, hiệu quả của “vay nợ” và học cách tiêu dùng tần tiện của người đi vay.

Hạn chế sử dụng các loại hoá chất trong sản xuất nông nghiệp. Có quy hoạch tổng thể các làng nghề, các khu công nghiệp, áp dụng những thành tựu khoa học, kỹ thuật và công nghệ hiện đại vào quá trình khai thác, sử dụng tài nguyên và xử lý chất thải ♦

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Quý An, 2002. *Sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường*. Tạp chí Hoạt động khoa học, số 6, tr.13-14.
2. Hoàng Hữu Bình, 1998. *Các tộc người ở miền núi Bắc Việt Nam và môi trường*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Vũ Trường Giang, 2002. *Một số tập quán bảo vệ môi trường của các dân tộc ít người ở nước ta*. Tạp chí Hoạt động khoa học, số 5, tr.20-21.
4. Lê Văn Khoa (và tập thể), 1999. *Nông nghiệp và môi trường*. Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
5. Hoàng Xuân Long, 2001. *Từ “xin cho” đến “vay trả” đối với giới tự nhiên*. Tạp chí Hoạt động khoa học, số 6, tr.17-18.
6. Phạm Khôi Nguyên, 2002. *Bảo vệ môi trường trên quan điểm phát triển bền vững*. Tạp chí Cộng sản, số 16, tr.46-50.
7. Hà Huy Thành (chủ biên), 2001. *Một số vấn đề xã hội và nhân văn trong việc sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường ở Việt Nam*. Nxb. CTQG, Hà Nội.
8. Ngô Đức Thịnh, 1998. *Luật tục và việc quản lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên*. Tạp chí Văn hóa dân gian, số 2, tr.8-16.
9. Nguyễn Quang Tuấn, 2001. *Xung đột môi trường: Nguyên nhân và giải pháp quản lý*. Tạp chí Hoạt động khoa học, số 2, tr.21-23.
10. Hoàng Xuân Ty và Lê Trọng Cúc (chủ biên), 1998. *Tri thức bản địa của đồng bào vùng cao trong nông nghiệp và quản lý tài nguyên thiên nhiên*. Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội.